

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 1 - CƠ SỞ LINH TRUNG

CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
1	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Minh Huy	30	N1	T2	8.5-10	cs2:PMD204	17	1	TTThịnh
2	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Minh Huy	30	N2	T2	6-7.5	cs2:PMD204	21	1	TTThịnh
3	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Trần Minh Thư	30	N1	T5	3.5-5	cs2:PMC201	20	1	LNHNam
4	CNTN2023	23TNT1TN	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Trần Minh Thư	30	N2	T5	1-2.5	cs2:PMC201	19	1	LNHNam
5	CNTN2024	24TNT1TN	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Thanh Phương	30	N1	T3	1-2.5	cs2:PMD203	21	1	NTTinh
6	CNTN2024	24TNT1TN	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Thanh Phương	30	N2	T3	3.5-5	cs2:PMD203	22	1	NTTinh
7	CQ2023/1	23CTT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Hoàng	30	N1	T6	1-2.5	cs2:PMC202	32	1	MATuần
8	CQ2023/1	23CTT1	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Hoàng	30	N2	T6	3.5-5	cs2:PMC202	34	1	MATuần
9	CQ2023/1	23CTT1	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Ngọc Minh Châu	30	N1	T6	3.5-5	cs2:PMC201	36	1	LVMinh
10	CQ2023/1	23CTT1	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Ngọc Minh Châu	30	N2	T6	1-2.5	cs2:PMC201	36	1	LVMinh
11	CQ2023/2	23CTT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Lê Khánh Duy	30	N1	T2	1-2.5	cs2:PMC202	35	1	PNSTùng
12	CQ2023/2	23CTT2	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Lê Khánh Duy	30	N2	T2	3.5-5	cs2:PMC202	34	1	PNSTùng
13	CQ2023/2	23CTT2	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Hồ Thị Hoàng Vy	30	N1	T2	3.5-5	cs2:PMC201	35	1	TGHồng
14	CQ2023/2	23CTT2	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Hồ Thị Hoàng Vy	30	N2	T2	1-2.5	cs2:PMC201	35	1	TGHồng
15	CQ2023/3	23CTT3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Quang	30	N1	T6	6-7.5	cs2:PMC202	38	1	MATuần
16	CQ2023/3	23CTT3	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Trần Duy Quang	30	N2	T6	8.5-10	cs2:PMC202	36	1	MATuần
17	CQ2023/3	23CTT3	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Hồ Thị Hoàng Vy	30	N1	T6	8.5-10	cs2:PMC201	36	1	LVMinh
18	CQ2023/3	23CTT3	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Hồ Thị Hoàng Vy	30	N2	T6	6-7.5	cs2:PMC201	39	1	LVMinh

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỜNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
19	CQ2023/3	23CTT3	MTH00052	Phương pháp tính	Vũ Đỗ Huy Cường	30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMD203	38	1	NTrọng
20	CQ2023/3	23CTT3	MTH00052	Phương pháp tính	Vũ Đỗ Huy Cường	30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMD203	37	1	NTrọng
21	CQ2023/4	23CTT4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Hồ Tuấn Thanh	30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMC202	35	1	PBThái
22	CQ2023/4	23CTT4	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Hồ Tuấn Thanh	30	N2	T2	8.5-10	cs2:PMC202	36	1	PBThái
23	CQ2023/4	23CTT4	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Lương Hán Cơ	30	N1	T2	8.5-10	cs2:PMC201	36	1	NDLộc
24	CQ2023/4	23CTT4	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Lương Hán Cơ	30	N2	T2	6-7.5	cs2:PMC201	35	1	NDLộc
25	CQ2023/4	23CTT4	MTH00052	Phương pháp tính	Vũ Đỗ Huy Cường	30	N1	T5	1-2.5	cs2:PMD203	35	1	VHTThuận
26	CQ2023/4	23CTT4	MTH00052	Phương pháp tính	Vũ Đỗ Huy Cường	30	N2	T5	3.5-5	cs2:PMD203	36	1	VHTThuận
27	CQ2023/5	23CTT5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Phạm Nguyễn Sơn Tùng	30	N1	T3	1-2.5	cs2:PMC202	38	1	PBThái
28	CQ2023/5	23CTT5	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Phạm Nguyễn Sơn Tùng	30	N2	T3	3.5-5	cs2:PMC202	38	1	PBThái
29	CQ2023/5	23CTT5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Phạm Thị Bạch Huệ	30	N1	T3	3.5-5	cs2:PMC201	37	1	NNMChâu
30	CQ2023/5	23CTT5	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Phạm Thị Bạch Huệ	30	N2	T3	1-2.5	cs2:PMC201	35	1	NNMChâu
31	CQ2023/5	23CTT5	MTH00053	Lý thuyết số	Nguyễn Văn Thìn	30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMD204	38	1	PTNhân
32	CQ2023/5	23CTT5	MTH00053	Lý thuyết số	Nguyễn Văn Thìn	30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMD204	33	1	PTNhân
33	CQ2023/6	23CTT6	CSC10001	Nhập môn lập trình	Đậu Ngọc Hà Dương	30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMC201	38	1	LĐKhoan
34	CQ2023/6	23CTT6	CSC10001	Nhập môn lập trình	Đậu Ngọc Hà Dương	30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMC201	41	1	LĐKhoan
35	CQ2023/6	23CTT6	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	Phạm Minh Tuấn	30	N1	T4	3.5-5	cs2:PMC202	30	1	NTViệt
36	CQ2023/6	23CTT6	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	Phạm Minh Tuấn	30	N2	T4	1-2.5	cs2:PMC202	20	1	NTViệt

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
37	CQ2024/1	24CTT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Lê Hoàng Thái	30	N1	T2	6-7.5	cs2:PMD203	40	1	LNNam
38	CQ2024/1	24CTT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Lê Hoàng Thái	30	N2	T2	8.5-10	cs2:PMD203	40	1	LNNam
39	CQ2024/2	24CTT2	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Tiến Lên	30	N1	T2	1-2.5	cs2:PMD203	40	1	LNNam
40	CQ2024/2	24CTT2	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Tiến Lên	30	N2	T2	3.5-5	cs2:PMD203	40	1	LNNam
41	CQ2024/3	24CTT3	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Văn Thạch	30	N1	T4	6-7.5	cs2:PMD203	39	1	PQKỳ
42	CQ2024/3	24CTT3	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bùi Văn Thạch	30	N2	T4	8.5-10	cs2:PMD203	37	1	PQKỳ
43	CQ2024/4	24CTT4	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Văn Chí Nam	30	N1	T3	6-7.5	cs2:PMD203	40	1	PTPUyen
44	CQ2024/4	24CTT4	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Văn Chí Nam	30	N2	T3	8.5-10	cs2:PMD203	40	1	PTPUyen
45	CQ2024/5	24CTT5	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cao Xuân Nam	30	N1	T6	1-2.5	cs2:PMD203	40	1	VNTân
46	CQ2024/5	24CTT5	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cao Xuân Nam	30	N2	T6	3.5-5	cs2:PMD203	40	1	VNTân
47	CQ2024/6	24CTT6	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Ngọc Đức	30	N1	T6	6-7.5	cs2:PMD203	37	1	HLHĐăng
48	CQ2024/6	24CTT6	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Ngọc Đức	30	N2	T6	8.5-10	cs2:PMD203	37	1	HLHĐăng
49	TTNT2023	23TNT	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Văn Khiết	30	N1	T5	6-7.5	cs2:PMC202	25	1	PNSTùng
50	TTNT2023	23TNT	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Văn Khiết	30	N2	T5	8.5-10	cs2:PMC202	27	1	PNSTùng
51	TTNT2023	23TNT	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Phạm Nguyễn Cương	30	N1	T5	8.5-10	cs2:PMC201	26	1	TNHĐức
52	TTNT2023	23TNT	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	Phạm Nguyễn Cương	30	N2	T5	6-7.5	cs2:PMC201	28	1	TNHĐức
53	TTNT2024	24TNT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Lê Ngọc Thành	30	N1	T4	1-2.5	cs2:PMD203	26	1	NTTinh
54	TTNT2024	24TNT1	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Lê Ngọc Thành	30	N2	T4	3.5-5	cs2:PMD203	27	1	NTTinh

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Giảng viên Hướng dẫn thực hành tự tổ chức thi giữa kỳ và cuối kỳ

Địa điểm học: Phòng máy LT-PMC201, LT-PMC202, LT-PMD203, LT-PMD204

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025. Tuần 21/04 nghỉ cho sinh viên thi Lý thuyết giữa kỳ

Ca TH	Tiết BD - Tiết KT	Giờ BD - Giờ KT
1	1 - 2.5	7g30 - 9g35
2	3.5 - 5	9g45 - 11g50
3	6 - 7.5	12g40 - 14g45
4	8.5 - 10	14g55 - 17g00

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHDTH	Số tiết TH	Nhóm	Thứ	Tiết BD - Tiết KT	Phòng	Số SV	SỐ GV HDTH	GV HDTH
55	CQ2024/7	24CTT7	CSC10012	Cơ sở lập trình		30	N1	T5	1-2.5	es2:PMD204		1	
56	CQ2024/7	24CTT7	CSC10012	Cơ sở lập trình		30	N2	T5	3.5-5	es2:PMD204		1	

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ LINH TRUNG
CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH QUY CHUẨN VÀ CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 01/06/2025

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVVHDT	SỐ TIẾT TH	SỐ SV đăng ký	SỐ GV HDTH	GV HDTH N1	GV HDTH N2	GV HDTH N3	GV HDTH N4	GV HDTH N5	GV HDTH N6	GHI CHÚ
1	CNTN2023	23TNT1TN	CSC14008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Vũ Hải Quân	30	38	2	CXNam (0.5) NHĐang (0.5)	ĐTLễ (0.5) NTThuận (0.5)					
2	CNTN2023	23TNT1TN	MTH00051	Toán ứng dụng và thống kê	Nguyễn Đình Thúc	30	38	2	NVQHuy	NVQHuy					
3	CQ2021/1	21_1	CSC10108	Thực quan hóa dữ liệu	Tiết Gia Hồng	30	31	2	TGHồng	NNMChâu					
4	CQ2021/1	21_1	CSC12108	Ứng dụng phân tán	Nguyễn Trường Sơn	30	37	2	PMTú	PMTú					
5	CQ2021/1	21_1	CSC12111	Quản trị cơ sở dữ liệu hiện đại	Nguyễn Trần Minh Thư	30	40	2	TGHồng	TGHồng					
6	CQ2021/21	21_21	CSC14101	Ấn dữ liệu và chia sẻ thông tin	Phạm Trọng Nghĩa	30	19	1	LNNam						
7	CQ2021/21	21_21	CSC14115	Khoa học dữ liệu ứng dụng	Lê Ngọc Thành	30	23	1	VNTĐoan						
8	CQ2021/21	21_21	CSC14116	Lập trình song song ứng dụng	Phạm Trọng Nghĩa	30	16	1	NTTinh						
9	CQ2021/22	21_22	CSC15106	Seminar Công nghệ trí thức	Ngô Minh Nhựt	30	16	1	THQuân						
10	CQ2021/3	21_3	CSC13106	Kiến trúc phần mềm	Ngô Huy Biên	30	16	1	NNĐKhoa						
11	CQ2021/3	21_3	CSC13114	Phát triển ứng dụng web nâng cao	Ngô Ngọc Đăng Khoa	30	14	1	ĐNKha						
12	CQ2021/3	21_3	CSC13115	Các công nghệ mới trong phát triển phần mềm	Trần Văn Quý	30	45	2	ĐNKha	TVQuý					
13	CQ2021/3	21_3	CSC13116	Đồ án Công nghệ phần mềm	Ngô Huy Biên	30	26	1	TPLộc						
14	CQ2022/1	22_1	CSC12001	An toàn và bảo mật dữ liệu trong hệ thống thông tin	Lương Vĩ Minh, Phạm Thị Bạch Huệ	30	85	5	TGHồng	TGHồng	TGHồng	LVMinh	LVMinh		
15	CQ2022/1	22_1	CSC12004	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Lê Nguyễn Hoài Nam	30	85	5	LNHNam	LNHNam	TGHồng	TGHồng	TGHồng		
16	CQ2022/1	22_1	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Nguyễn Ngọc Đức	30	83	5	NNĐức	NTTinh	NTDMinh	NTDMinh	NTTinh		
17	CQ2022/1	22_1	CSC17106	Xử lý phân tích dữ liệu trực tuyến	Nguyễn Trần Minh Thư	30	25	1	PMTú						
18	CQ2022/21	22_21	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Nguyễn Thị Minh Tuyền	30	46	3	HTThanh	HTThanh	MATuấn				
19	CQ2022/21	22_21	CSC14004	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	Lê Hoài Bắc	30	62	3	LHBắc	NTTinh	NTTHằng				
20	CQ2022/21	22_21	CSC14005	Nhập môn học máy	Bùi Tiến Lên	30	80	4	BTLên	BĐĐang	LNNam	LNNam			
21	CQ2022/21	22_21	CSC14006	Nhận dạng	Lê Hoàng Thái	30	35	2	LHThái	DTBáo					
22	CQ2022/21	22_21	CSC14118	Nhập môn dữ liệu lớn	Nguyễn Ngọc Thảo	30	70	4	NNThảo	LNThành	HLHĐang	HLHĐang			
23	CQ2022/22	22_22	CSC13002	Nhập môn công nghệ phần mềm	Trần Duy Hoàng	30	67	4	TDHoàng	TDHoàng	NNDKhoa	NNĐKhoa			
24	CQ2022/22	22_22	CSC15002	Bảo mật cơ sở dữ liệu	Nguyễn Đình Thúc	30	65	4	LTATú	LTATú	NgTHường	NgTHường			
25	CQ2022/22	22_22	CSC15003	Mã hóa ứng dụng	Trần Minh Triết, Trương Toàn Thịnh	30	62	3	MATuấn	MATuấn	LVMinh				
26	CQ2022/22	22_22	CSC15004	Học thống kê	Ngô Minh Nhựt	30	56	3	LLQuốc	LLQuốc	NMNhựt				
27	CQ2022/22	22_22	CSC15007	Thống kê máy tính và ứng dụng	Vũ Quốc Hoàng	30	69	4	PTPUyên	PTPUyên	NNToàn	NNToàn			
28	CQ2022/22	22_22	CSC15107	Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư	Lê Phúc Lữ, Nguyễn Ngọc Toàn	30	29	2	LPLữ	NNToàn					
29	CQ2022/23	22_23	CSC16003	Phân tích thống kê dữ liệu nhiều biến	Lý Quốc Ngọc	30	28	2	LQNgọc	NMHùng					
30	CQ2022/23	22_23	CSC16004	Thị giác máy tính	Võ Hoài Việt	30	32	2	VHViệt	PMHoàng					
31	CQ2022/23	22_23	CSC16101	Đồ họa ứng dụng	Phạm Thanh Tùng	30	12	1	VTHào						

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVVHĐTH	SỐ TIẾT TH	SỐ SV đăng ký	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	GV HĐTH N4	GV HĐTH N5	GV HĐTH N6	GHI CHÚ
32	CQ2022/23	22_23	CSC16109	Ứng dụng xử lý ảnh số và video số	Lý Quốc Ngọc	30	28	2	LQNgọc	NMHùng					
33	CQ2022/24	22_24	CSC10108	Thực quan hóa dữ liệu	Bùi Tiến Lân	30	61	3	BTLân	LNNam	LNNam				
34	CQ2022/24	22_24	CSC14004	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	Lê Hoài Bắc	30	33	2	LHBắc	NTTĩnh					
35	CQ2022/24	22_24	CSC14005	Nhập môn học máy	Bùi Duy Đăng	30	73	4	BDDăng	TTKiên	NTTĩnh	HLHĐăng			
36	CQ2022/24	22_24	CSC17001	Phân tích dữ liệu thông minh	Nguyễn Tiến Huy	30	70	4	NTiếnHuy	LTTùng	NTDMinh	NTDMinh			
37	CQ2022/3	22_3	CSC13005	Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm	Trương Phước Lộc	30	59	3	TPLộc	PNSTùng	PNSTùng				
38	CQ2022/3	22_3	CSC13010	Thiết kế phần mềm	Trần Duy Thảo	30	78	4	TDThảo	TDThảo	NDHuy	NDHuy			
39	CQ2022/3	22_3	CSC14003	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Bùi Duy Đăng	30	83	5	BDDăng	NTDMinh	NTDMinh	HLHĐăng	HLHĐăng		
40	CQ2022/31	22_31	CSC13005	Phân tích và quản lý yêu cầu phần mềm	Trương Phước Lộc	30	40	2	HTThanh	PNSTùng					
41	CQ2022/31	22_31	CSC13010	Thiết kế phần mềm	Trần Văn Quý	30	72	4	MATuấn	MATuấn	TDThảo	TVQuý			
42	CQ2022/4	22_4	CSC11002	Hệ thống viễn thông	Huỳnh Thụy Bảo Trân	30	11	1	LHMinh						
43	CQ2022/4	22_4	CSC11003	Lập trình mạng	Nguyễn Thanh Quân	30	23	1	NTQuân						
44	CQ2022/4	22_4	CSC11006	Nhập môn điện toán đám mây	Lê Ngọc Sơn	30	47	3	CTLinh	CTLinh	LNSơn				
45	CQ2022/4	22_4	CSC11007	Nhập môn DevOps	Nguyễn Thanh Quân	30	81	4	LGThanh	LQHòa	NTQuân	NTQuân			
46	CQ2022/5	22_5	CSC10007	Hệ điều hành	Thái Hùng Văn	30	40	2	THVăn	ĐTMHậu					
47	CQ2022/5	22_5	CSC10102	Kiến tập nghề nghiệp	Cao Xuân Nam	30	135	5	LTThảo	HHMy	ĐHTương	ĐTTHà	CXNam		
48	CQ2022/5	22_5	CSC10104	Quy hoạch tuyến tính	Lê Phúc Lữ	30	81	4	THSơn	LPLữ	THSơn	NDHy			
49	CQ2023/1	23CTT1	MTH00051	Toán ứng dụng và thống kê	Nguyễn Hữu Toàn	30	78	4	VNTĐoan	NHToàn	THSơn	LTATú			
50	CQ2023/2	23CTT2	MTH00051	Toán ứng dụng và thống kê	Trần Hà Sơn	30	79	4	VNTĐoan	NHToàn	THSơn	LTATú			
51	CQ2023/6	23CTT6	CSC13102	Lập trình ứng dụng Java	Nguyễn Văn Khiết	30	35	2	NVKhiết	NLHDũng					
52	TNTN2023	23TNT	MTH00056	Phương pháp toán cho trí tuệ nhân tạo	Cần Trần Thành Trung	30	52	3	NNToàn	CTTTrung	THSơn				
53	TTNT2022	22TNT	CSC10011	Công nghệ phần mềm cho hệ thống trí tuệ nhân tạo	Nguyễn Văn Vũ	30	32	2	NNĐKhoa	TPLộc					
54	CQ2022/1	22_1	CSC12103	Chuyên đề Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	Tuấn Nguyễn Hoài Đức	30	18	1	TNHDức						
55	CQ2021/1	21_1	CSC17101	Hệ thống tư vấn		30	3	1							Hủy
56	CQ2021/21	21_21	CSC14002	Các hệ cơ sở tri thức		30	1	1							Hủy
57	CQ2021/21	21_21	GSC14105	Khoa học về web		30	10	1							Hủy
58	CQ2021/21	21_21	GSC14113	Trình biên dịch		30	1	1							Hủy
59	CQ2021/23	21_23	GSC16105	Truy vấn thông tin thị giác		30	0	1							Hủy
60	CQ2021/23	21_23	GSC16110	Chuyên đề Đồ họa máy tính		30	3	1							Hủy
61	CQ2021/23	21_23	CSC16112	Chuyên đề Xử lý ảnh số và video số		30	4	1							Hủy
62	CQ2021/3	21_3	CSC13101	Các chủ đề nâng cao trong Công nghệ phần mềm		30	5	1							Hủy
63	CQ2021/4	21_4	GSC11107	Truyền thông kỹ thuật số		30	0	1							Hủy
64	CQ2021/4	21_4	GSC11111	Chuyên đề tốt nghiệp Mạng máy tính		30	2	1							Hủy
65	CQ2021/4	21_4	GSC11113	Quản trị dịch vụ mạng		30	0	1							Hủy
66	CQ2022/1	22_1	CSC12105	Thương mại điện tử		30	5	1							Hủy

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	GVLT = TRƯỞNG NHÓM GVHĐTH	SỐ TIẾT TH	SỐ SV đăng ký	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	GV HĐTH N4	GV HĐTH N5	GV HĐTH N6	GHI CHÚ
67	CQ2022/21	22_21	CSC14001	Automata và ngôn ngữ hình thức		30	3	1							Hủy
68	CQ2022/21	22_21	CSC14008	Phương pháp nghiên cứu khoa học		30	8	1							Hủy
69	CQ2022/22	22_22	CSC15012	Ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên trong doanh nghiệp		30	6	1							Hủy
70	CQ2022/22	22_22	CSC15105	Khai thác dữ liệu văn bản và ứng dụng		30	1	1							Hủy
71	CQ2022/22	22_22	CSC15108	Phương pháp cho dữ liệu số		30	8	1							Hủy
72	TTNT2021	21TNT	CSC18102	Phương pháp toán cho tối ưu		30	2	1							Hủy
73	TTNT2021	21TNT	CSC18103	Trí tuệ bầy đàn		30	0	1							Hủy
74	TTNT2021	21TNT	CSC18104	Nhập môn hệ thống đa tác nhân		30	0	1							Hủy
75	CQ2023/6	23CTT6	CSC10008	Mạng máy tính		30	16	1							Hủy
76	CQ2021/23	21_23	CSC16111	Chuyên đề Thị giác máy tính		30	4	1							Hủy

DANH SÁCH CÁC LỚP THỰC HÀNH THEO HÌNH THỨC 2, CƠ SỞ NGUYỄN VĂN CỬ
CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

Thời gian học thực hành: từ ngày 10/03/2025 đến ngày 18/05/2025

STT	LỚP	MÃ LỚP ĐKHP	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	TRƯỞNG NHÓM GVHĐTH	SỐ TIẾT TH	SỐ SV đăng ký	SỐ GV HĐTH	GV HĐTH N1	GV HĐTH N2	GV HĐTH N3	Ghi chú
1	CNTN2022	22TN	CSC13010	Thiết kế phần mềm	Trần Minh Triết	30	35	2	NĐHuy	HVThám		
2	CNTN2022	22TN	CSC14007	Nhập môn phân tích độ phức tạp thuật toán	Trần Đan Thư, Lê Phúc Lữ	30	36	2	BVThạch	BVThạch		
3	CNTN2022	22TN	CSC15003	Mã hóa ứng dụng	Trần Minh Triết	30	31	2	TMKhiêm	LVMinh		
4	CNTN2024	24TNT1TN	CSC10121	Kỹ năng mềm	Dương Nguyên Vũ	30	43	2	ĐTLễ	VPAnh		
5	CNTN2022	22TN	CSC13008	Phát triển ứng dụng web		30	8	1				Hủy
6	CNTN2022	22TN	CSC14004	Khai thác dữ liệu và ứng dụng		30	0	1				Hủy
7	CNTN2022	22TN	CSC15004	Học thống kê		30	0	1				Hủy
8	CNTN2022	22TN	CSC15107	Phân tích dữ liệu bảo toàn tính riêng tư		30	1	1				Hủy
9	CNTN2022	22TN	CSC16004	Thị giác máy tính		30	3	1				Hủy